| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ NGHĨA ĐÀN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 03 /ĐA-UBND | *Nghĩa Đàn, ngày 11 tháng 12 năm 2025* |

# ĐỀ ÁN
# TỔ CHỨC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ XUÂN NĂM 2026

## Phần thứ nhất
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2025

### I. Kết quả sản xuất Vụ Xuân năm 2025

Sản xuất vụ Xuân 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến dị thường, nhiệt độ không khí trung bình thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước, đặc biệt là tần suất xảy ra các đợt Không khí lạnh cao hơn. Từ tháng 01 đến đầu tháng 05/2025, có 14 đợt không khí lạnh, chênh lệnh nhiệt độ ngày - đêm lớn, nhiệt độ cao - thấp thay đổi nhanh; thời gian, cường độ chiếu sáng thấp,... đã ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của các cây trồng, đặc biệt là cây lúa giai đoạn làm đòng và trỗ. Giai đoạn cuối vụ bị ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan như mưa lớn, dông lốc đã làm một số diện tích lúa, hoa màu bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, với sự vào cuộc kịp thời, quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến địa phương trong tổ chức chỉ đạo sản xuất và sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và bà con nông dân trong đầu tư thâm canh, tưới tiêu, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và phòng trừ sâu bệnh hại. Do năm 2025 mưa bão, ngập lụt xảy ra liên tiếp gây thiệt hại nặng nề đối với sản xuất nông nghiệp; sản lượng lương thực ước đạt 5.394 tấn/KH 5.556 tấn.

#### 1. Kết quả đạt được

Sản xuất Vụ Xuân 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết bất thuận; đầu vụ gieo trồng chịu ảnh hưởng liên tiếp bởi các đợt mưa lớn gồm các ngày từ 06-07/9, 10-12/9, 17-22/9 và từ 20-21/10 (*trong đó có 2 đợt mưa đáng chú ý là áp thấp nhiệt đới từ ngày 17-23/09 và mưa to từ ngày 20-21/10*) đã gây thiệt hại đối với diện tích rau màu các loại.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự cố gắng nỗ lực của người dân trong việc khắc phục thiên tai, đầu tư sản xuất nên Vụ Xuân đã đạt được kết quả đáng ghi nhận. Diện tích gieo trồng đạt 787,16 ha/774 ha KH đạt 101,7%, cây trồng Vụ Xuân các loại (Luá, Ngô, rau các loại, khoai lang, mía), sản lượng các cây trồng đạt 5.394 tấn/KH 5.556 tấn, đạt 97,1%. Trong đó: cây lúa diện tích 376 ha/376 ha KH, năng suất 6,8 tấn/ha; cây ngô diện tích 313,4/300 ha KH, năng suất 5,2 tấn/ha; cây khoai lang diện tích 30ha/ KH 30ha, năng suất 80 tạ/ha; cây rau đậu các loại 50 ha/KH 50 ha; rau đậu các loại được

gieo trồng chủ yếu trong vườn, một số diện tích được khoanh vùng sản xuất tập trung trên đất bãi, đất màu đồng tại các xã như: Trung Thành, Trung Xuân, Trung Thái, Trung Thành, Trung Nghĩa, Trung Đồng,...

**2. Đánh giá chung**

**2.1. Ưu điểm**:

- Sản xuất Vụ Xuân đã có sự dịch chuyển sang hướng canh tác các cây trồng tăng giá trị sản xuất như:

+ Cây ngô: Từ việc trồng ngô lấy hạt góp phần hoàn thành chỉ tiêu lương thực hàng năm đã dịch chuyển một phần diện tích sang trồng ngô lấy bắp tươi và sang trồng cỏ voi làm thức ăn thô xanh cho gia súc.

+ Các cây rau Vụ Xuân với thời gian ngắn, nhiều lứa, nhiều giống rau cao cấp được đưa vào và bán đúng dịp tết Nguyên đán như: Súp lơ, bí đỏ, cà chua, … đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tăng thu nhập cho bà con nông dân.

- Cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể xã càng quan tâm, tập trung chỉ đạo sản xuất Vụ Xuân.

- Nông dân nhiều nơi đã nhận thức được hiệu quả kinh tế và tích lũy được kinh nghiệm trong sản xuất Vụ Xuân.

- Các loại vật tư phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực được các đơn vị sản xuất, cung ứng chuẩn bị đủ về số lượng và chủng loại đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất.

**2.2. Tồn tại**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì Vụ Xuân 2025 còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Trong công tác chỉ đạo: Chưa có sự vào cuộc đồng bộ của các ban ngành, chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn bà con nông dân thực hiện Vụ Xuân.

- Vụ Xuân 2025 thời tiết bất lợi có những đợt mưa lạnh kéo dài, kết thúc muộn gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất Vụ Xuân làm một số diện tích phải gieo trồng lại, gây tốn kém chi phí sản xuất ban đầu của bà con nông dân.

- Mô hình thâm canh và mô hình sản xuất hàng hóa Vụ Xuân gắn liền với bao tiêu sản phẩm còn ít, hiệu quả kinh tế chưa đặc biệt rõ nét. Việc liên kết, bao tiêu sản phẩm giữa nông dân và các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn và chưa ổn định.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm Vụ Xuân chưa được ổn định về giá cả cũng như các địa phương chú trọng phát triển. Vụ Xuân là vụ sản xuất và tiêu

thụ nhiều rau nhưng vấn đề sản xuất rau an toàn vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

- Mô hình liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa nông dân và các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn và chưa thực hiện được nhiều.

- Một số xóm chưa thực sự quan tâm đúng mức về sản xuất Vụ Xuân.

**3. Nguyên nhân**

***3.1. Nguyên nhân khách quan***

- Nhiệt độ không khí trung bình trong vụ Xuân 2025 thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước, tần suất xảy ra các đợt rét đậm rét hại cao hơn, chênh lệnh nhiệt độ ngày - đêm lớn, nhiệt độ cao - thấp thay đổi nhanh, ... , đặc biệt là trong giai đoạn lúa làm đòng (*Nhiệt độ trung bình tháng 3/2025 từ 19,1 - 22,3 độ C. Trong giai đoạn này xảy ra 03 đợt không khí lạnh gây rét, đợt thứ nhất vào ngày 7-9/3/2025, nhiệt độ trung bình 15,2 - 17,2 $^oC$; đợt thứ hai vào ngày 17-19/3/2025, nhiệt độ trung bình 16,4 – 17,7 $^oC$; đợt thứ ba vào ngày 30/3-2/4/2025, nhiệt độ trung bình 15,8 - 16,9 $^oC$*) gặp nhiệt độ thấp đã ảnh hưởng đến các bước phân hóa đòng đặc biệt là từ bước 4 đến bước 6 đã làm cho hạt phấn bất dục. Do đó, lúa bị hiện tượng trỗ không thoát, thoái hóa đầu bông và tỷ lệ hạt lép cao, nhất là những diện tích trỗ trước 15/4, dẫn đến một số diện tích bị thiệt hại năng suất. Do đó, diện tích thu hoạch, năng suất và sản lượng lúa không đạt kế hoạch đề ra.

***3.2. Nguyên nhân chủ quan***

- Công tác chỉ đạo sản xuất, thực hiện lịch thời vụ gieo cấy tại một số xóm chưa quyết liệt, không đúng theo lịch thời vụ của Đề án tổ chức sản xuất trồng trọt vụ Xuân 2025.

- Nhiều vùng nông dân chưa tuân thủ khung thời vụ gieo cấy theo đề án sản xuất của huyện; vẫn duy trì tập quán gieo cấy sớm. Đồng thời sử dụng các giống chưa được theo dõi, đánh giá kỹ tính thích ứng vào sản xuất nên lúa trỗ quá sớm dẫn đến bị thoái hóa đầu bông, tỷ lệ hạt lép cao ảnh hưởng đến năng suất.

- Số lượng máy cấy và đơn vị sản xuất mạ khay phục vụ cấy máy trên địa bàn tỉnh còn ít so với nhu cầu. Do đó, diện tích lúa cấy máy hiện nay còn hạn chế.

- Lao động trong sản xuất nông nghiệp ngày càng già hóa. Bên cạnh đó, trình độ sản xuất của người dân vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nên vẫn sản xuất dựa theo kinh nghiệm, tập quán dẫn đến diện tích nông sản an toàn, ứng dụng KHCN, liên kết tiêu thụ sản phẩm thực hiện được ít và nhỏ lẻ.

- Vai trò của chính quyền, HTX ở một số nơi chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc tìm kiếm, kết nối doanh nghiệp. Quá trình vận động, khuyến khích nông dân tập trung ruộng đất để thực hiện sản xuất hàng hóa với quy mô lớn còn hạn chế. Bên cạnh đó, các cơ chế, chính sách còn nhỏ lẻ, dàn trải nên chưa thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn.

## Phần thứ hai
## PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ XUÂN NĂM 2026

### I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2026

#### 1.1. Dự báo tình hình thời tiết

Theo dự báo của Đài Khí tượng - Thủy văn Nghệ An tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 10 năm 2025 đến tháng 3 năm 2026 như sau:

***/ Hiện tượng ENSO**: Dự báo, thời kỳ từ tháng 11/2025-03/2026, hiện tượng ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính và nghiêng về pha lạnh, nhưng chưa đạt trạng thái La Nina.

**/ Bão và Áp thấp nhiệt đới*: Từ tháng 10-12/2025, bão/ATNĐ có khả năng hoạt động trên khu vực Biển Đông ở mức cao hơn so với TBNN và có khoảng 1 cơn ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An. Từ tháng 01-03/2026, bão và ATNĐ hoạt động trên Biển Đông ở mức tương đương so với TBNN (khoảng 1-2 cơn). Nhưng ít có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An.

**/ Không khí lạnh*

Từ khoảng nửa cuối tháng 10/2025, không khí lạnh có xu hướng gia tăng cường độ và tần suất. Không khí lạnh có khả năng hoạt động mạnh trong tháng 11-12/2025, hiện tượng rét đậm có khả năng xuất hiện từ nửa cuối tháng 12 (tương đương so với TBNN). Không khí lạnh tiếp tục hoạt động mạnh trong tháng 01-2/2026, từ tháng 3/2026 Không khí lạnh suy giảm dần; rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN 3-4 đợt).

**/ Nhiệt độ:*

Tháng 11-12/2025: có xu hướng thấp hơn từ 0,5-1,0 độ C so với TBNN cùng kỳ (TBNN tháng 10: 24.0-25.0 độ C; tháng 11: 21-22.5 độ C; tháng 12: 18.0 - 19.0 độ C).

Tháng 01-03/2026, nhiệt độ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN tháng 1: 17.5-18.5 độ C; tháng 2: 18.5 - 20.0 độ C; tháng 3: 20.5 - 22.5 độ C).

**/ Lượng mưa:*

Tháng 10-11/2025: TLM phổ biến ở mức cao hơn 10-30% so với TBNN (TBNN tháng 10: phía Bắc 150-250mm, phía Nam 350-520mm; tháng 11: phía Bắc 40-80mm, phía Nam 80-150mm).

Tháng 12/2025: TLM phổ biến ở mức thấp hơn 10-20% so với TBNN (TBNN tháng 12: 20-80mm).

Từ tháng 01-03/2026: TLM xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN tháng 1: 15-50mm; tháng 2: 15-40mm; tháng 3: 30-60mm).

**1.2. Nhận định về tình hình nguồn nước**

*a. Nguồn nước các hồ chứa:* Tỉnh Nghệ An có 1.061 hồ chứa (Nghị định số 114/2018/NNĐ-CP). Tính đến ngày 27/10/2025:

- Các hồ chứa do công ty TNHH thủy lợi quản lý: Quan trắc 109 hồ, hiện nay có hơn 10% hồ chứa có dung tích hữu ích thiếu hụt so với dung tích thiết kế, *(Cụ thể: 99 hồ đầy nước, cùng kỳ năm 2024 có 73 hồ đầy nước; 09 hồ có dung tích >70 % WTK, cùng kỳ năm 2024 có 30 hồ; 0 hồ có dung tích từ 50-70% WTK, cùng kỳ năm 2024 có 05 hồ; 01 hồ có dung tích <50% WTK, cùng kỳ năm 2024 có 01 hồ).*

- Các hồ chứa do địa phương quản lý: có 952 hồ. Lượng nước trong các hồ chứa đến thời điểm hiện nay: có 952 hồ đập đầy nước.

* Về tình hình nguồn nước trên địa bàn xã:

Toàn xã có 15 hồ chứa, trong đó 15 hồ do địa phương quản lý. Cụ thể tính đến tháng 9/2025 như sau:

| TT | Tên hồ chứa | Thiết kế | | | Ngày 27/10/2025 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Mực nước chết | Mực nước Dâng BT | Dung tích thiết kế (triệu m3) | Mực nước hồ | Dung tích hồ (triệu m3) | Đạt % dung tích TK |
| 1 | Đập Cây đa xóm 16 | | | 247,421 | | 247,421 | |
| 2 | Đập Đồng nheo xóm 11 | | | 37,415 | | 37,415 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Đập Đồng be, xóm 22 | | | 57,515 | | 57,515 | |
| 4 | Đập Khe tòng 2, Xóm 13 | | | 9,460 | | 9,460 | |
| 5 | Đập Khe tòng - hồ số 1 thuộc xóm 12 | | | 55,266 | | 55,266 | |
| 6 | Đập Gừa Xóm trung Xuân | | | 96,164 | | 96,164 | |
| 7 | Đập Hòn Tổng xóm Trung đồng 42,158,8 m2 | | | 88,533 | | 88,533 | |
| 8 | Đập Khe cụt xóm Nghĩa thái 43.602,4m2 | | | 114,665 | | 114,665 | |
| 9 | Đập Bầu Lạng xóm 21 67.321,0 m2 | | | 141,376 | | 141,376 | |
| 10 | Hồ đồng chùa | | | 247,421 | | 247,421 | |
| 11 | Đập bình thái | | | 22,090 | | 22,090 | |
| 12 | Hồ ông Thanh | | | 97,019 | | 97,019 | |
| 13 | Hồ ông Ký | | | 37,096 | | 37,096 | |
| 14 | Hồ ông Hóa | | | 195,711 | | 195,711 | |
| 15 | Hồ ông Tùy | | | 76,813 | | 76,813 | |

- Các hồ đập do địa phương quản lý có 15 hồ đập, lượng nước trong các hồ đập đến thời điểm hiện nay trung bình đạt khoảng 100% dung tích.

**1.3. Nhận định về tình hình sâu bệnh hại**

Dự báo trong vụ Xuân năm 2026 diễn biến sinh vật gây hại cây trồng như: ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn, bệnh lem lép hạt, bạc lá vi khuẩn, nhện gié, chuột, rầy,... hại lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, bệnh khảm lá hại sắn, ... sẽ diễn biến phức tạp, khó lường, cục bộ một số diện tích có khả năng bị gây hại nặng gây ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng sản phẩm.

**1.4 Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất Vụ Xuân 2026**

**1. Thuận lợi**

- Là năm đầu tiên thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2025-2030; Do đó, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo cũng như có các cơ chế, chính sách để khuyến khích, đưa nhanh các KHCN, TBKT áp dụng vào sản xuất.

- Việc đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên tất cả các lĩnh vực. Cùng với các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (*hữu cơ, VietGAP,...*), liên kết sản xuất, cơ giới hóa (*khâu làm đất, gieo cấy, thu hoạch, phun thuốc BVTV bằng máy*),... ngày càng khẳng định được hiệu quả là điều kiện thuận lợi để phát triển, ứng dụng vào sản xuất sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm công lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Số HTX thực hiện liên kết, khâu nối cung ứng, tiêu thụ nông sản cho người dân ngày càng tăng và các mô hình liên kết sản xuất (lúa, ngô sinh khối, rau các loại, ...) đã được khẳng định, cho hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân, từ đó nâng cao giá trị nông sản.

- Lượng nước tại các hồ đập đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản xuất vụ Xuân 2026.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

- Cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày được ứng dụng rộng rãi nhất là khâu làm đất, thu hoạch, cấy máy, phun thuốc BVTV bằng máy sẽ tạo điều kiện cho việc giảm công lao động, đẩy nhanh thời vụ sản xuất.

**2. Khó khăn**

- Vụ Xuân năm nay được dự báo không khí lạnh có xu hướng gia tăng cường độ và tần suất từ khoảng nửa cuối tháng 10/2025. Nền nhiệt trong tháng 12/2025 có xu hướng thấp hơn từ 0,5-1,0 độ C so với TBNN cùng kỳ; các tháng 01 - 3/2026 nhiệt độ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Thời điểm rét đậm, rét hại xuất hiện từ nửa cuối tháng 12/2025 và tiếp tục hoạt động mạnh trong tháng 01-02/2026. Do đó, thời tiết rét đậm rét hại trùng với thời gian ra mạ, gieo cấy nên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất cũng như tiềm ẩn nguy cơ bị thiệt hại các cây trồng do thời tiết gây ra.

- Giá cả vật tư nông nghiệp nhất là phân bón dự báo tăng sẽ tác động đến đầu tư sản xuất của người dân sẽ ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cây trồng.

- Hệ thống thủy lợi tuy đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, các công trình thủy lợi, kênh mương, cống, trạm bơm, ... bị thiệt hại, hư hỏng do các cơn bão của năm 2025 sẽ ảnh hưởng đến công tác tưới tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Xuân 2026.

- Lực lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng già hóa và giảm về số lượng do dịch chuyển sang các ngành nghề khác có thu nhập ổn định hơn. Bên cạnh đó, trình độ nông dân một số nơi chưa cao nên sẽ ảnh hưởng đến chăm sóc, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN mới, cơ giới hóa vào trong sản xuất theo hướng hàng hóa.

- Trong vụ Xuân tiềm ẩn nguy cơ một số đối tượng dịch hại phát sinh gây hại như: bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, đen lép hạt, nhện gié, chuột, ... trên cây lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô.

- Diện tích sản xuất quy mô còn nhỏ lẻ, nhiều hộ. Việc tập trung ruộng đất để hình thành vùng sản xuất tập trung còn khó khăn sẽ là trở ngại để sản xuất theo hướng hàng hóa quy mô lớn, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết, bao tiêu sản phẩm ổn định cho người dân còn ít và chủ yếu theo mùa vụ. Bên cạnh đó, một số địa phương vẫn chưa tích cực chủ động trong việc thu hút, kết nối tiêu thụ sản phẩm ổn định cho người dân.

- Một số xã, phường thiếu cán bộ phụ trách chuyên môn lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp dẫn đến gặp khó khăn, lúng túng trong thực hiện chỉ đạo sản xuất vụ Xuân 2026 sắp tới cũng như thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2026

### 1. Phương hướng

- Xây dựng kế hoạch, bố trí cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống và thời vụ hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng. Linh động, quyết liệt và huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để tập trung chỉ đạo sản xuất; khai thác tối đa và phát huy cao mọi nguồn lực để vụ Xuân 2026 đạt mức cao nhất về diện tích, năng suất, sản lượng, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả cao.

- Tăng cường áp dụng các KHCN, tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất an toàn (VietGAP, hữu cơ,...) trong sản xuất trên các loại cây trồng... Tăng diện tích lúa chất lượng để từng bước xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm nâng cao giá trị nông sản.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất, kết nối tiêu thụ và quảng bá nông sản của địa phương.

**2. Chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2026**

Cụ thể chỉ tiêu phấn đấu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng trong vụ Xuân 2026 như sau:

| ***Cây lương thực*** | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **TT** | **Loại cây trồng** | **Diện tích *(ha)*** | **Năng suất *(tạ/ha)*** | **Sản lượng *(tấn)*** |
| **1** | **Cây lúa** | **376** | 68 | **2.570,4** |
| *1.1* | *Lúa lai* | *200* | *71,0* | *1.420,0* |
| *1.2* | *Lúa thuần* | *176* | *66,0* | *1.161,6* |
| Trong đó: | | | | |
| *Lúa chất lượng (cả lúa lai và lúa thuần)* | | | | |
| **2** | **Cây ngô** | **300** | | |
| *2.1* | *Ngô lấy hạt* | *120* | 52,5 | *630,0* |
| *2.2* | *Ngô sinh khối* | *180* | *380,0* | *6.840,0* |
| **Tổng cộng** | | **676** | | **12.622,0** |

***Các cây trồng ngắn ngày khác***

| **TT** | **Loại cây trồng** | **Diện tích *(ha)*** | **Năng suất *(tạ/ha)*** | **Sản lượng *(tấn)*** |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cây Lạc | 18 | 28,5 | 51,3 |
| 2 | Rau các loại | 50 | 168,0 | 840,0 |
| 3 | Khoai lang | 30 | 82,0 | 246,0 |

***Cây nguyên liệu***

| **TT** | **Loại cây trồng** | **Diện tích (ha)** | **Năng suất (tạ/ha)** | **Sản lượng (tấn)** |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng diện tích mía cả năm | 240 | 608 | 144 |

- Đối với cây công nghiệp, cây ăn quả: Tập trung trồng mới, chăm sóc tốt diện tích hiện có.

## III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 3.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

#### *3.1.1.* Cây lúa

***a) Thời vụ:*** Vụ Xuân năm 2026 được dự báo nền nhiệt nhiệt trong tháng 12/2025 có xu hướng thấp hơn từ 0,5-1,0 độ C so với TBNN cùng kỳ; các tháng 01 - 3/2026 nhiệt độ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ; Rét đậm, rét hại xuất hiện từ nửa cuối tháng 12/2025 và tiếp tục hoạt động mạnh trong tháng 01-02/2026, từ tháng 3/2026 KKL suy giảm dần; rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Lập Xuân năm 2026 vào ngày 04/02/2026 (*tức ngày 17/12/2025 Âm lịch*).

Do đó, để đảm bảo cây lúa trỗ an toàn, tránh gặp rét, khung thời vụ bố trí cho vụ Xuân chính vụ như sau: Gieo mạ từ 05 - 20/01/2026 (từ 17/11/2025 ÂL đến 02/12/2025 ÂL); cấy sau khi mạ 21 ngày tuổi (mạ có 2,5 – 3,0 lá thật). Đối với nhóm giống có thời gian sinh trưởng xung quanh 125 ngày không nên bố trí gieo mạ trước ngày 16/01/2026 để tránh lúa trỗ quá sớm gặp rét ảnh hưởng đến năng suất.

- Các địa phương phải căn cứ thời gian sinh trưởng của các giống để bố trí lịch gieo mạ phù hợp. Những giống có thời gian sinh trưởng dài ngày thì bố trí gieo đầu khung thời vụ, những giống có thời gian sinh trưởng ngắn hơn thì bố trí gieo cuối khung thời vụ để lúa trỗ từ 25/4 - 05/5/2026. Tránh trường hợp các giống có thời gian sinh trưởng ngắn mà bố trí gieo mạ đầu khung thời vụ sẽ dẫn tới thời gian làm đòng, trỗ gặp mưa rét cuối vụ ảnh hưởng đến năng suất.

- Đối với những vùng mà người dân có tập quán gieo thẳng thì bố trí gieo muộn hơn từ 5 - 7 ngày so với lịch gieo mạ đối với khung thời vụ nêu trên.

- Đối với vùng Hè thu chạy lụt, có thể bố trí gieo trồng sớm hơn 5 - 7 ngày so với khung thời vụ nêu trên.

***Lưu ý:***

*- Tuân thủ nghiêm túc lịch thời vụ để lúa trỗ an toàn từ 25/4-05/5/2026. Tuyệt đối không gieo cấy sớm trước lịch thời vụ để tránh lúa trỗ quá sớm, gặp rét ảnh hưởng đến năng suất như vụ Xuân 2025.*

*- Tập trung chỉ đạo gieo mạ có che phủ nilon 100% diện tích để chống rét, chống chuột, đồng thời phòng trừ rầy lưng trắng xâm nhập truyền bệnh lùn sọc đen. Trong thời gian rét đậm, rét hại (dưới 15$^{o}$C) không bón thúc đạm cho mạ, hạn chế tối đa việc gieo thẳng lúa để hạn chế lúa chết rét.*

*- Dừng gieo, cấy vào những ngày có nhiệt độ thấp dưới 15$^{o}$C (rét đậm, rét hại) để tránh thiệt hại. Hạn chế gieo thẳng lúa để tránh thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra.*

***b) Cơ cấu giống***

- Chỉ đưa vào cơ cấu các giống lúa đã được công nhận chính thức, công nhận lưu hành và làm mô hình có kết quả tốt tại Nghệ An. Đưa nhanh các giống lúa vừa có năng suất cao, vừa có chất lượng gạo khá trở lên; ưu tiên phát triển mở rộng diện tích các giống lúa chất lượng cao làm hàng hóa để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Mỗi địa phương nên chọn 02- 03 giống lúa lai và 02 - 03 giống lúa thuần để đưa vào cơ cấu sản xuất.

- Trên cùng một xứ đồng chỉ cơ cấu từ 01 đến 02 giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải cấy xong trong vòng 2 - 3 ngày để chăm sóc, quản lý sâu bệnh hại và thu hoạch được thuận lợi.

- Đối với những giống có năng suất cao, gạo chất lượng, dễ nhiễm sâu bệnh và mẫn cảm với thời tiết, cần có giải pháp kỹ thuật đồng bộ để đảm bảo an toàn sản xuất.

- Cơ cấu các giống lúa sản xuất trong vụ Xuân 2026 định hướng và ưu tiên các loại giống sau:

*** Giống lúa thuần:** VNR 20, TBR 225, Bắc Thịnh, Thiên ưu 8, TBR 97, ADI 168 (06 giống).

*** Giống lúa lai:** Thái xuyên 111, VT868, Long hương 8117, Thụy hương 308, Dương ưu 612 (05 giống).

***3.1.2. Cây ngô***

- Tập trung gieo từ 04/02 đến 28/02/2026.

- Căn cứ vào đặc điểm tình hình, chân đất, thời gian sinh trưởng, mục đích sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất.

- Mỗi địa phương lựa chọn không quá 02- 03 giống ngô lai và 02 giống ngô nếp để đưa vào cơ cấu và với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh đặc biệt là sâu keo mùa thu, với các giống sau: DK6919s, CP 511, NK4300 Bt/Gt, NK6101BGT, HN 68, TBM 18.

***3.1.3. Cây lạc***

- Tranh thủ đất đủ ẩm, trời ấm và tiến hành gieo từ 25/01/2026, kết thúc gieo trước ngày 25/2/2026. Riêng các vùng trung du, miền núi, vùng đất cao dễ gặp hạn sớm phải gieo trồng sớm hơn để đề phòng gặp nắng hạn cuối vụ.

- Sử dụng các giống: L14, L23, L26, L27, Sen lai (75/23), L20, TK 10.

***3.1.4. Rau các loại*:** Tranh thủ gieo trồng khi có quỹ đất và điều kiện thời tiết thuận lợi. Có thể sử dụng các giống rau như:

+ *Rau cải*: Cải ngọt, cải bẹ mào gà, cải bó xôi,...

+ *Bí xanh*: Bí xanh số 1, Nova 209, Green 558, Ruby 456, An Điền 686,...

+ *Dưa chuột:* GM 222, Cu 46, Maya,…

+ *Mướp ngọt*: Hương Việt, Thanh Hoa,…

+ *Mướp đắng*: Hạt giống lai F1 Palee, Trái Xanh F1 TV-208, …

+ *Dưa hấu:* Super Hoàn Châu, Super Man, Phù Đổng, Trang Nông 1096, AD779, VT448,…

***3.1.5. Cây mía nguyên liệu***

- Có thể trồng từ tháng 11 năm nay đến hết tháng 3 năm sau, nhưng thời vụ tốt nhất cho cây mía là từ 02/2 đến 15/3/2026.

- Sử dụng các giống như: KK3, LK92-11, QĐ159, …

***3.1.6. Cây sắn nguyên liệu:*** Gieo trồng từ tháng 1 đến ngày 15/3/2026. Có thể sử dụng các giống như: KM94, KM140,…

**3.2. Về phân bón**

- Sử dụng phân bón cân đối, hợp lý: Bón đủ liều lượng, đúng loại, cân đối và đúng thời điểm cho từng loại cây trồng đối với từng chân đất và mùa vụ để tăng hiệu quả sử dụng phân bón, đảm bảo năng suất.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, xây dựng mô hình để khuyến khích người dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu phân bón hóa học, đồng thời cải tạo tính chất đất, giúp cây trồng dễ hấp thu, chống chịu với điều kiện bất thuận, vừa giảm chi phí đầu vào, đảm bảo an toàn với môi trường và sức khỏe con người.

**3.3. Công tác Bảo vệ thực vật**

- Tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng. Tập trung các đối tượng sinh vật gây hại chủ yếu như: Chuột, ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn, lem lép hạt… hại lúa, sâu keo mùa thu hại ngô….

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng để nâng cao chất lượng nông sản, giảm tồn dư thuốc BVTV trong nông sản, trong đất.

**3.4. Công tác thuỷ lợi**

- Xây dựng sớm phương án cấp nước phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2026; lập kế hoạch tưới nước từ công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có để cơ cấu cây trồng hợp lý; Đẩy nhanh tiến độ các công trình thủy lợi đang thi công.

- Phối hợp, sẵn sàng lấy nước và dự trữ vào hệ thống và trên ruộng đồng khi các nhà máy thủy điện xả nước tối đa phục vụ sản xuất.

- Đối với hệ thống tưới: Đẩy nhanh tiến độ tu sửa kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm, đảm bảo 100% công trình sẵn sàng vận hành phục vụ sản xuất.

- Đối với hệ thống tiêu: Tập trung nạo vét, thông thoát hệ thống kênh tiêu (nhất là kênh tiêu nội đồng) bị bồi lấp, ách tắc, đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời khi có mưa, lũ. Đồng thời, chủ động trữ nước trong nội đồng khi có thông tin thời tiết bất lợi về nguồn nước.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống mặn xâm nhập sâu vào nội đồng, kiểm tra chặt chẽ chất lượng nước không để nhiễm mặn xảy ra.

- Tổ chức quản lý vận hành các hệ thống và các công trình thuỷ lợi phù hợp, hiệu quả; áp dụng phương pháp tưới Nông - Lộ - Phơi và ưu tiên tưới vào thời kỳ lúa làm đòng - trỗ bông.

- Có phương án chủ động đối phó khi hạn hán xảy ra (nhất là vùng cuối kênh, vùng bán sơn địa và vùng miền núi).

**3.5. Vệ sinh đồng ruộng, làm đất**

- Làm tốt công tác vệ sinh đồng ruộng bằng cách cắt sạch cỏ bờ, tàn dư cây trồng để cắt nguồn sâu bệnh hại; sử dụng vôi bột để khử chua và hạn chế một số loại nấm bệnh trên đồng ruộng, đặc biệt trên chân ruộng thấp trũng chua phèn; tăng cường công tác làm thủy lợi nội đồng, khơi thông dòng chảy, tổ chức diệt chuột tập trung.

- Trên diện tích đất lúa không trồng cây vụ Đông, cần tiến hành sớm cày lật đất phơi ải nhằm tăng độ tơi xốp cho đất, tiêu diệt mầm mống sâu bệnh hại trên ruộng.

- Với các chân ruộng thuộc nhóm đất thịt, không nhiễm phèn mặn việc làm đất có thể phơi ải kiệt. Đối với những chân thấp trũng chua phèn thực hiện "tiền ải non, hậu dầm ngấu".

**3.6. Về ứng dụng các tiến bộ KHCN; nhân rộng các mô hình an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ và phát triển sản xuất trồng trọt giảm phát thải, tạo lập tín chỉ Cacbon**

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩnVietGAP, hữu cơ,… trên các cây trồng thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia để mở rộng những diện tích này.

- Quan tâm triển khai các giải pháp kỹ thuật để mở rộng diện tích sản xuất lúa giảm phát thải, hướng tới sản xuất bền vững và tạo lập tín chỉ cacbon. Đẩy mạnh áp dụng cây lúa bằng máy để nâng cao hiệu quả, thực hiện thời vụ tập trung và giải quyết vấn đề già hóa lao động trong sản xuất nông nghiệp.

- Duy trì, phát triển các diện tích rau, củ, quả, chè, lúa,… sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, …

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, … để nông dân biết và thực hiện.

**3.7. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

- Các địa phương căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Trồng trọt; Điều 6, Điều 8 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai để xây dựng phương án, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2026 đúng với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương và tổ chức chỉ đạo quyết liệt để triển khai có hiệu quả ngay từ đầu vụ Xuân 2026.

- Xây dựng các cơ chế và các điều kiện để khuyến khích người dân chuyển đổi. Chuyển đổi phải gắn với bao tiêu sản phẩm để phát triển bền vững và tạo động lực cho nông dân chuyển đổi và đẩy mạnh sản xuất.

- Cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân nắm rõ các điều kiện và thủ tục chuyển đổi theo quy định; đồng thời tăng cường tham quan, học tập các mô hình chuyển đổi có hiệu quả, các quy trình sản xuất an toàn trên đất chuyển đổi để người dân biết và áp dụng rộng rãi.

**3.8. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cấp mã số vùng trồng**

***a) Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm***

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác liên kết hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của trung ương và địa phương đã ban hành, quan tâm ưu tiên nguồn lực từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ thực hiện các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các hợp tác, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại; tập trung vào việc cung cấp thông tin sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thị hiếu và nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

***b) Cấp, quản lý mã số vùng trồng***

- Thực hiện cấp và kiểm tra, giám sát đối với các mã số vùng trồng đã được cấp theo các quy định hiện hành.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cấp mã số vùng trồng theo hướng dẫn và thực hiện phân kỳ cụ thể kế hoạch cấp mã số vùng trồng cho từng đối tượng cây trồng.

**3.9. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

**3.10. Cơ chế chính sách**

Thực hiện đầy đủ các chính sách của Trung ương và tỉnh để tạo động lực cho phát triển sản xuất, gồm:

- Chính sách hỗ trợ quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới, nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, ... trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật để khôi phục sản xuất theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 16/2025/NQ-HDND ngày 05/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,…theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Chính sách về Bảo hiểm Nông nghiệp tại Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 05/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài chính sách của Trung ương và tỉnh, đề nghị UBND xã, phường cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng ứng dụng KHCN, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Kinh tế

a) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất như sau:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Xây dựng vùng sản xuất tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa, ứng dụng KHCN và liên kết vào sản xuất. Đồng thời đẩy mạnh diện tích các cây trồng sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, sản xuất lúa giảm phát thải, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, .... để nâng cao giá trị nông sản.

- Xây dựng cơ cấu giống, thời vụ để chỉ đạo, tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nghiêm túc lịch thời vụ, cơ cấu giống nhất là đối với cây lúa.

- Rà soát lại nguồn nước tại các hồ đập, sông suối, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, danh mục cây lâu năm được chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa còn lại (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 29/4/2024) để xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa nhất là vùng cao cưỡng không có nước tưới suốt cả vụ, vùng sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng các cây trồng khác có hiệu quả hơn ngay từ đầu vụ phù hợp với điều kiện cụ thể.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng các loại vật tư không đảm bảo chất lượng nhằm bảo vệ tốt quyền lợi của người nông dân.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp hạn chế thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để có phương án xử lý, khắc phục kịp thời.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại. Nếu để tình trạng gieo cấy lúa sớm hơn lịch thời vụ mà người dân chưa được tuyên truyền, khuyến cáo để nắm rõ lịch thời vụ thì lãnh đạo phòng phải chịu trách nhiệm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá vi khuẩn trên cây lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, ...

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân để phát triển diện tích sản xuất lúa giảm phát thải, hướng tới sản xuất bền vững và tạo lập tín chỉ cacbon. Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, đặc biệt là mở rộng diện tích cấy lúa bằng máy.

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại, phát triển sản xuất,... ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

b) Chủ động, tích cực và có cơ chế để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Xuân để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

c) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm tăng cường kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

d) Dự báo nhu cầu thị trường để có phương án sản xuất rải vụ thích hợp, phát triển mở rộng diện tích nhất là các loại rau, củ, quả đảm bảo an toàn theo các tiêu chuẩn, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho nông dân.

e) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Trồng trọt và BVTV) để hướng dẫn, tuyền truyền các tổ chức, cá nhân trên địa bàn về các thủ tục để đăng ký mã số vùng trồng theo quy định hiện hành.

g) Thường xuyên cập nhật, báo cáo tình hình sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để tổng hợp tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật theo quy định.

**2. Trung tâm cung ứng dịch vụ công Nghĩa Đàn**

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất trồng trọt vụ Xuân, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh các cây trồng vụ Xuân đến tận người sản xuất thông qua các lớp tập huấn, đào tạo.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

- Tuyên truyền, kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Đài khí tượng thủy văn Nghệ An để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình rét đậm, rét hại, dông lốc, hạn hán cuối vụ và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Tham mưu xây dựng, đề xuất các phương án để chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục thiệt hại đối với những tình huống thời tiết bất thuận như  rét đậm, rét hại, dịch hại cây trồng,.... để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Thực hiện tốt công tác về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Xuân trên địa bàn.

- Phối hợp với các ban ngành, xóm để hướng dẫn thực hiện và mở rộng các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, … đồng thời, triển khai

xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn vùng trồng tạo ra nông sản an toàn, chất lượng phục vụ chế biến và đủ điều kiện xuất khẩu.

- Xây dựng phương án phòng trừ sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Xuân để làm cơ sở cho các xóm tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với xóm và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các trạng mạng xã hội chính thống để phổ biến, khuyến cáo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

- Xây dựng phương án tưới tiêu phục vụ sản xuất vụ Xuân 2026, trong đó lưu ý phương án chống hạn cuối vụ, tiêu úng khi có mưa to, nhất là những vùng trọng điểm.

- Làm việc với các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, thuốc BVTV, …: Căn cứ vào Đề án sản xuất trồng trọt vụ Xuân 2026 của xã để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật và tình hình diễn biến sâu bệnh hại cây trồng,…đến người dân một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Đồng thời, phối hợp tốt hơn nữa với cơ quan khí tượng, thủy văn để nắm bắt và thông tin kịp thời các nguy cơ về thiên tai để người dân né tránh. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời phản ánh những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt trong việc thực hiện Đề án sản xuất Vụ Xuân năm 2025.

**4. Hạt kiểm lâm Nghĩa Đàn-Thái Hòa:** Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để phối hợp với UBND xã chỉ đạo các chủ rừng thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, kịp thời ngăn chặn mọi hành vi phá hoại rừng.

**5. Công ty TNHH Thuỷ lợi Phủ Quỳ**

- Tiến hành rà soát mực nước ở các hồ đập, sông suối trên địa bàn. Từ đó xây dựng kế hoạch tưới, tiêu hợp lý cho từng vùng. Tu sửa các kênh mương trọng yếu nhằm tiêu úng kịp thời khi mưa lũ hay tưới cho các vùng rau thâm canh, ngô trên đất 2 lúa khi xảy ra hạn hán.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thuỷ lợi năm 2026 đúng yêu cầu, thiết thực.

**6. Các ngành và đoàn thể**

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT: Tạo mọi điều kiện thuận lợi, đơn giản cho nông dân được vay đủ vốn để phục vụ sản xuất.

- Đối với các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội xã: Hội nông dân, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh,… với chức năng, nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo, vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất Vụ Xuân 2026.

**VI. Đề nghị**

1. Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An trích ngân sách để hỗ trợ cho sản xuất Vụ Xuân 2026. Đồng thời đôn đốc, chỉ đạo thực hiện công tác chính sách hỗ trợ nông nghiệp nông thôn năm 2026 đúng tiến độ yêu cầu.

2. Các doanh nghiệp, HTX trong và ngoài tỉnh tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, tìm kiếm, hỗ trợ mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng Vụ Xuân để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

3. Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất Vụ Xuân năm 2026.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất cây trồng Vụ Xuân 2026. UBND xã rất mong nhận được sự chỉ đạo sát sao, sự phối hợp tạo điều kiện của các ngành và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn xã nhằm mục tiêu đạt được kết quả cao trong Vụ Xuân 2026./.

***Nơi nhận:***
- Sở NN&MT;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;

(Báo cáo)

- Các tổ chức đoàn thể CT-XH xã;
- TT Dịch vụ NN xã, Ngân hàng NN&PTNT;
- Công ty TNHH Thuỷ lợi Phủ Quỳ;
- Hạt kiểm lâm NĐ-TH;
- TT CC dịch vụ công; Đội TKKV NĐ-TH;
- 22 xóm;
- Lưu VT. KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Trọng Yên**

**<u>Phụ lục 01</u>: Danh sách các giống lúa đưa vào cấu giống sản xuất trong vụ Xuân 2026 tại Nghệ An**

| TT | Tên giống | Thời gian sinh trưởng vụ Xuân (ngày) | Năng suất trung bình (tạ/ha) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **A** | **Lúa thuần** | | | |
| **I** | **Giống có diện tích lớn và có tiềm năng** | | | |
| 1 | VNR20 | 125-130 | 65-70 | |
| 2 | TBR225 | 125-130 | 65-70 | |
| 3 | Bắc Thịnh | 125-130 | 65-70 | |
| 4 | Thiên ưu 8 | 125-130 | 65-70 | |
| 5 | TBR 97 | 115-120 | 65-70 | |
| 6 | ADI 168 | 125-130 | 65-70 | |
| **II** | **Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau** | | | |
| **2.1** | **Giống có TGST từ 130 - 140 ngày** | | | |
| 1 | JO2 | 135-140 | 60-65 | |
| 2 | AC5 | 135-140 | 60-65 | |
| 3 | BC15 | 135-140 | 60-65 | |
| 4 | Nếp 97 | 135-140 | 55-60 | |
| 5 | Nếp thơm 86 | 130-135 | 55-60 | |
| 6 | Nếp thơm 88 | 130-135 | 55-60 | |
| 7 | Nếp 98 | 130-135 | 50-55 | |
| **2.2** | **Giống có TGST xung quanh 125 ngày** | | | |
| 1 | Hana số 6 | 125-130 | 60-65 | |
| 2 | Hạt Ngọc 9 | 125-130 | 60-65 | |
| 3 | LTH31 | 125-130 | 65-70 | |
| 4 | Hương Thanh 8 | 125-130 | 60-65 | |
| 5 | Hương Bình | 125-130 | 60-65 | |
| 6 | BQ | 125-130 | 60-65 | |
| 7 | Vật tư NA6 | 125-130 | 65-70 | |
| 8 | Hana 167 | 125-130 | 60-65 | |
| 9 | Hà Phát 3 | 125-130 | 65-70 | |
| 10 | HD11 | 125-130 | 65-70 | |
| 11 | ĐH12 | 125-130 | 65-70 | |
| 12 | QP5 | 125-130 | 60-65 | |
| 13 | Thiên Hương 6 | 125-130 | 60-65 | |
| 14 | Hạt Vàng 36 | 125-130 | 65-70 | |
| 15 | TH998 | 123-128 | 65-70 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 16 | Vật tư NA2 | 122-128 | 60-65 | |
| 17 | ĐT 100 | 120-125 | 60-65 | |
| 18 | ĐH15 | 120-125 | 60-65 | |
| 19 | Dự Hương 8 | 120-125 | 60-65 | |
| 20 | SV 181 | 120-125 | 60-65 | |
| 21 | TBR 87 | 115-120 | 65-70 | |
| 22 | HG12 | 120-125 | 60-65 | |
| 23 | ND 502 | 120-125 | 60-65 | |
| 24 | Smart 56 | 120-125 | 60-65 | |
| 25 | QR15 | 120-125 | 60-65 | |
| 26 | TBR 89 | 120-125 | 60-65 | |
| 27 | N24 | 125-130 | 65-70 | |
| 28 | Nếp A Sào | 120-130 | 55-60 | |
| **B** | **Lúa lai** | | | |
| **I** | **Giống có diện tích lớn và có tiềm năng** | | | |
| 1 | Thái Xuyên 111 | 135-140 | 70-75 | |
| 2 | VT868 | 130-135 | 70-75 | |
| 3 | Long hương 8117 | 130-133 | 65-70 | |
| 4 | Thụy Hương 308 | 125-130 | 65-70 | |
| 5 | Dương ưu 612 | 125-130 | 65-70 | |
| **II** | **Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau** | | | |
| **2.1** | **Giống có thời gian sinh trưởng từ 130-135 ngày** | | | |
| 1 | VT 404 | 130-135 | 70-75 | |
| 2 | Phú ưu 978 | 130-135 | 70-75 | |
| 3 | Nhị ưu 986 | 130-135 | 70-75 | |
| 4 | CS04 | 130-135 | 70-75 | |
| 5 | HYT100 | 130-135 | 70-75 | |
| 6 | MHC2 | 130-135 | 70-75 | |
| 7 | Hoa ưu 7185 | 130-135 | 70-75 | |
| 8 | VT333 | 130-135 | 70-75 | |
| 9 | KH336 | 130-135 | 70-75 | |
| 10 | SYN 98 | 130-135 | 70-75 | |
| 11 | SYN 8 | 130-135 | 70-75 | |
| 12 | GS55 | 130-135 | 70-75 | |
| **2.2** | **Giống có thời gian sinh trưởng từ 125-130 ngày** | | | |
| 1 | ADI73 | 125-130 | 65-70 | |
| 2 | Long Xuyên 81 | 125-130 | 65-70 | |
| 3 | WN305 | 125-130 | 65-70 | |
| 4 | An Nông 0818 | 125-130 | 65-70 | |
| 5 | SYN 12 | 125-130 | 65-70 | |
| 6 | Nghi Hương 305 | 125-130 | 60-65 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 7 | Nghi Hương 2308 | 125-130 | 60-65 | |
| 8 | SYN 18 | 125-130 | 65-70 | |
| 9 | TBH456 | 127-130 | 65-75 | |
| 10 | Kinh sở ưu 1588 | 125-130 | 70-75 | |
| 11 | ADI số 9 | 124-130 | 65-75 | |

***Ghi chú:*** **-** *Qua theo dõi cho thấy các giống: AC5, Thái Xuyên 111, Thiên ưu 8, Vật tư NA6, TBR225, ADI 168, BC15 mẫn cảm với bệnh đạo ôn.*

*- Thứ tự các giống được sắp xếp theo thời gian sinh trưởng giảm dần, trừ giống chủ lực được sắp xếp theo diện tích giảm dần.*

**Phụ lục 02: Danh sách các giống ngô đưa vào cơ cấu giống sản xuất trong vụ Xuân 2026 tại Nghệ An**

| TT | Tên giống | Thời gian sinh trưởng Vụ Xuân (ngày) | Năng suất trung bình (tạ/ha) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **A** | **Giống có diện tích lớn và có tiềm năng** | | | |
| 1 | DK6919s | 100-103 | 55-60 | Ngô chuyển gen, lấy hạt |
| 2 | CP 511 | 100-105 | 55-60 | Ngô lấy hạt |
| 3 | NK4300 Bt/Gt | 105-110 | 55-60 | Ngô chuyển gen |
| 4 | NK6101BGT | 105-110 | 55-60 | Ngô chuyển gen, lấy hạt |
| 5 | HN68 | 65-70 | 45-50 | Thu hoạch ăn tươi |
| 6 | TBM 18 | 65-70 | 45-50 | Thu hoạch ăn tươi |
| **B** | **Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau** | | | |
| **I** | **Ngô lấy hạt** | | | |
| 1 | CP 519 | 110-115 | 55-60 | |
| 2 | CP 512 | 105-110 | 55-60 | |
| 3 | PAC 339 | 110-115 | 55-60 | |
| 4 | PAC 789 | 110-115 | 55-60 | |
| 5 | NK6275 | 105-110 | 55-60 | |
| 6 | VS36 | 105-110 | 55-60 | |
| 7 | SSC557 | 100-105 | 55-60 | |
| 8 | CS71 | 100-105 | 55-60 | |
| 9 | LVN14 | 95-100 | 55-60 | |
| 10 | TM181 | 95-100 | 55-60 | |
| **II** | **Ngô chuyển gen** | | | |
| 1 | NK66 Bt/Gt | 105-110 | 55-60 | Ngô chuyển gen |
| 2 | NK67 Bt/Gt | 110-115 | 55-60 | Ngô chuyển gen |
| 3 | PAC339S | 110-115 | 55-60 | |
| 4 | NK7328 Bt/Gt | 100-105 | 55-60 | Ngô chuyển gen |
| 5 | PAC 999 Super S | 100-105 | 55-60 | Ngô chuyển gen |

| TT | Tên giống | Thời gian sinh trưởng Vụ Xuân (ngày) | Năng suất trung bình (tạ/ha) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 6 | DK6818 S | 100-105 | 50-55 | Ngô chuyển gen |
| 7 | 8282 S | 100-105 | 55-60 | Ngô chuyển gen |
| 8 | CP501 S | 100-105 | 55-60 | Ngô chuyển gen |
| **III** | **Ngô có sinh khối lớn** | | | |
| 1 | PSC 102 | 105-110 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 2 | PSC 747 | 105-110 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 3 | NK7328 | 100-105 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 4 | SSC586 | 100-105 | 50-55 | Có sinh khối lớn |
| **IV** | **Ngô thu hoạch ăn tươi** | | | |
| 1 | HN92 | 70-75 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 2 | HN88 | 62-65 | 45-50 | Thu hoạch ăn tươi |
| 3 | ADI 688 | 62-65 | 45-50 | Thu hoạch ăn tươi |
| 4 | ADI 668 | 62-65 | 45-50 | Thu hoạch ăn tươi |

***Ghi chú***: *Thứ tự các giống được sắp xếp theo thời gian sinh trưởng giảm dần đối với từng nhóm, trừ giống có diện tích lớn, tiềm năng được sắp xếp theo diện tích giảm dần.*

**Phụ lục 03: Danh sách các giống lạc sản xuất trong vụ Xuân tại Nghệ An**

| TT | Tên giống | TGST vụ Xuân (ngày) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | L14 | 125-130 | |
| 2 | L23 | 115-120 | |
| 3 | TB29 | 115-120 | |
| 4 | L26 | 120-125 | |
| 5 | L27 | 120-125 | |
| 6 | Sen lai 75/23 | 122-127 | |
| 7 | TK10 | 122-125 | |
| 8 | L20 | 115-118 | |

**<u>Phụ lục 04:</u> Danh sách các giống rau, mía, sắn đã sản xuất trong vụ Xuân tại Nghệ An**

| TT | Tên giống | TGST vụ Xuân (ngày) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Giống rau** | | |
| ***1*** | ***Rau cải*** | | |
| - | Cải ngọt | 40 - 45 | |
| - | Cải bẹ mào gà | 30 - 35 | |
| - | Cải bó xôi | 45 - 55 | |
| ***2*** | ***Bí xanh*** | | |
| - | Bí xanh số 1 | 100 - 110 | |
| - | Nova 209 | 75 - 80 | |
| - | Bí xanh Green 558 | 85 - 90 | |
| - | Bí xanh Ruby 456 | 75-80 | |
| - | An Điền 686 | 80 - 85 | |
| ***3*** | ***Dưa chuột*** | | |
| - | GM 222 | 80 - 85 | |
| - | Cu 46 | 80 - 85 | |
| - | Maya | 75 - 80 | |
| ***4*** | ***Mướp ngọt*** | | |
| - | Hương Việt | 40 - 45 | |
| - | Thanh Hoa | 40 - 45 | |
| ***5*** | ***Mướp đắng*** | | |
| - | Hạt giống lai F1 Palee | 65 - 70 | |
| - | Trái xanh F1 TV-208 | 45 - 47 | |
| ***6*** | ***Dưa hấu*** | | |
| - | Super Hoàn Châu | 58 - 63 | |
| - | Super Man | 60 - 62 | |
| - | Phù Đổng | 58 - 63 | |
| - | Trang Nông 1096 | 58 - 60 | |
| - | AD 779 | 58 - 60 | |
| - | VT 448 | 58 - 62 | |
| **II** | **Giống mía** | | |
| - | KK3 | 300 - 330 | |
| - | LK 92-11 | 300 - 330 | |
| - | QĐ 159 | 300 - 330 | |
| **III** | **Giống sắn** | | |
| - | KM 94 | 270 - 330 | |
| - | KM 140 | 270 - 330 | |